CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP TTBGROUP

Ngày 30/09/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
45.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.7| 70.1%
YoY: ▲ 18.5| 68.8%

LN thuần
Q3/25
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -19.1%
YoY: ▲ 0.33| 114%

LN sau thuế
Q3/25
0.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01| -19.1%
YoY: ▲ 0.33| 114%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.3%
YoY: +/-▼ 1.9%

ROE (TTM)
Q3/25
0.1%
YoY: +/-▲ 0.0%

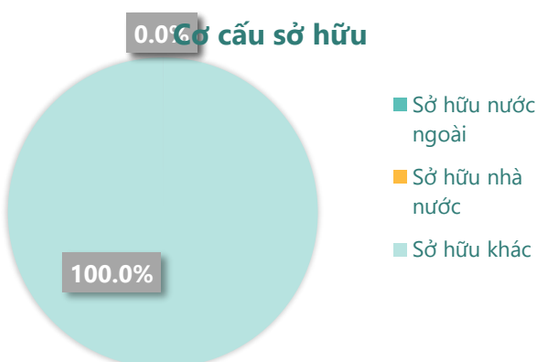
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,800 - 1,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	183
Số lượng CPLH (CP)	101,509,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	12
P/E	153.2

DT thuần
9T 2025
105
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.2| 52.5%

LN thuần
9T 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.14| 115%

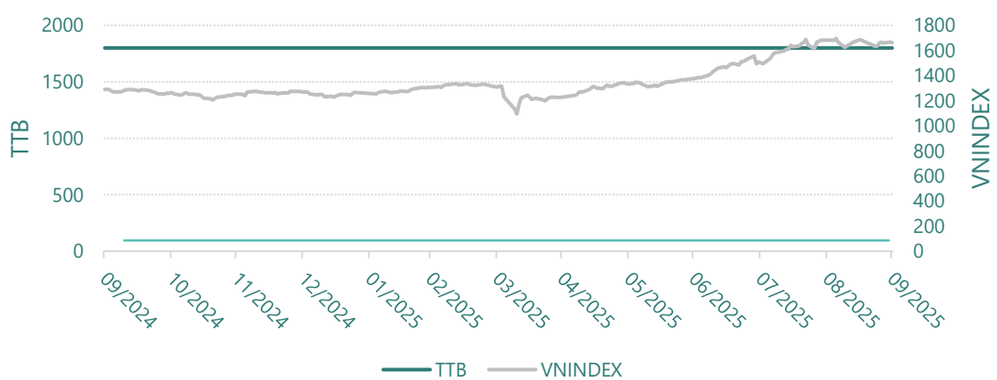
LN sau thuế
9T 2025
0.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.14| 115%

Cơ cấu sở hữu

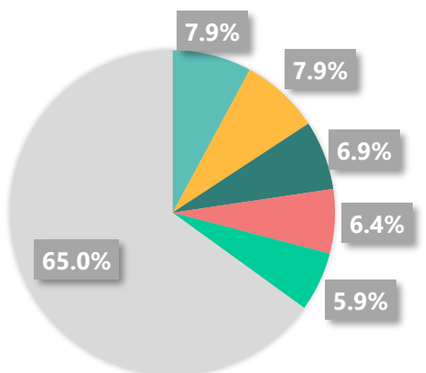


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

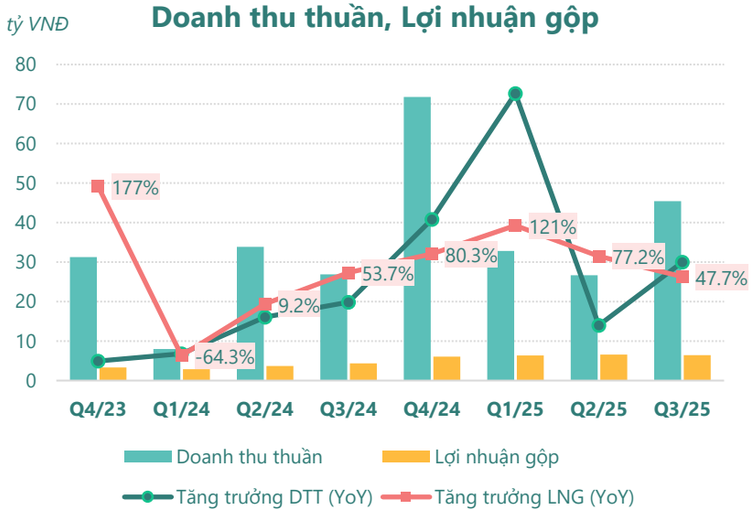


- Công ty TNHH Bắc Nam Thái Nguyên
- Công ty TNHH MTV Quyết Thắng QT
- Công ty TNHH Công nghiệp Anh Thảo
- Công ty TNHH Ngọc Bích
- Công ty TNHH TPVA Hà Nội
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

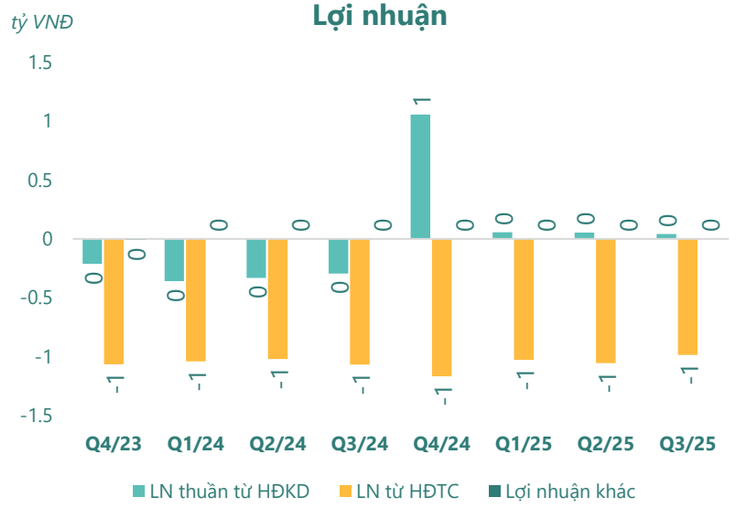
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



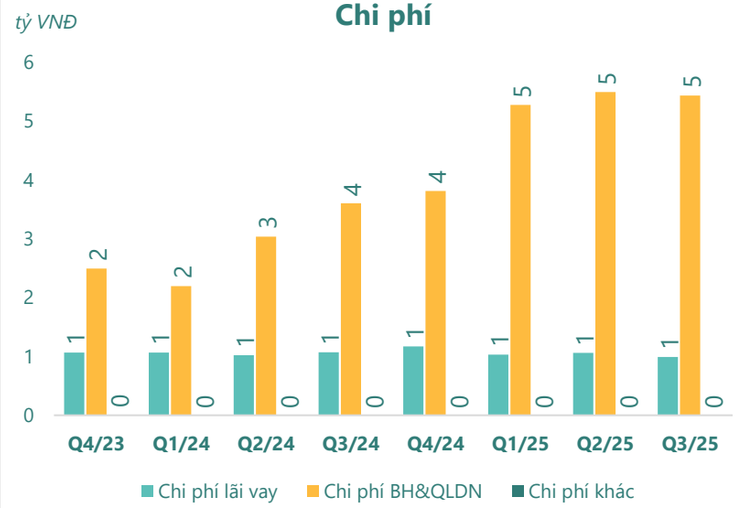
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



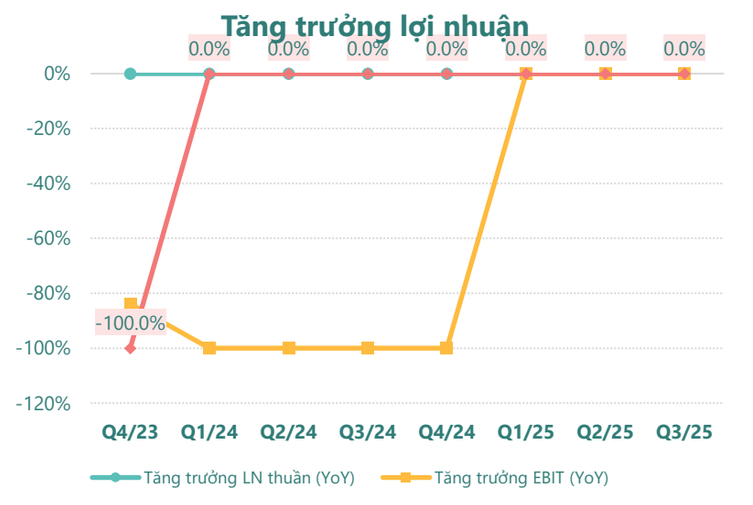
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



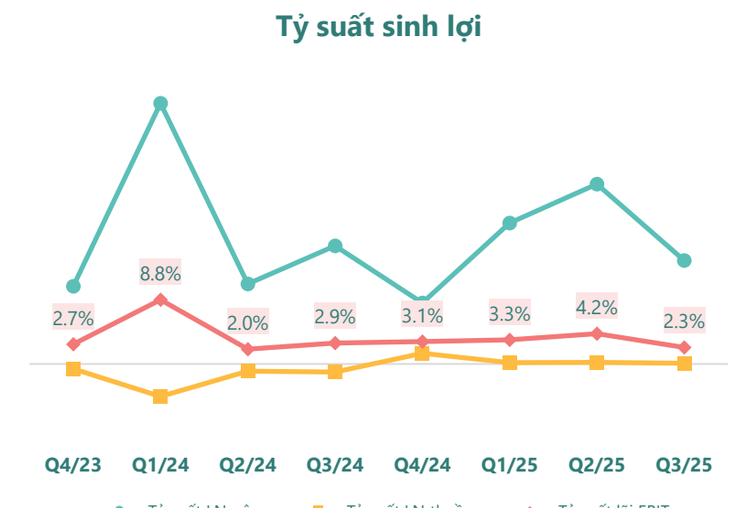
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



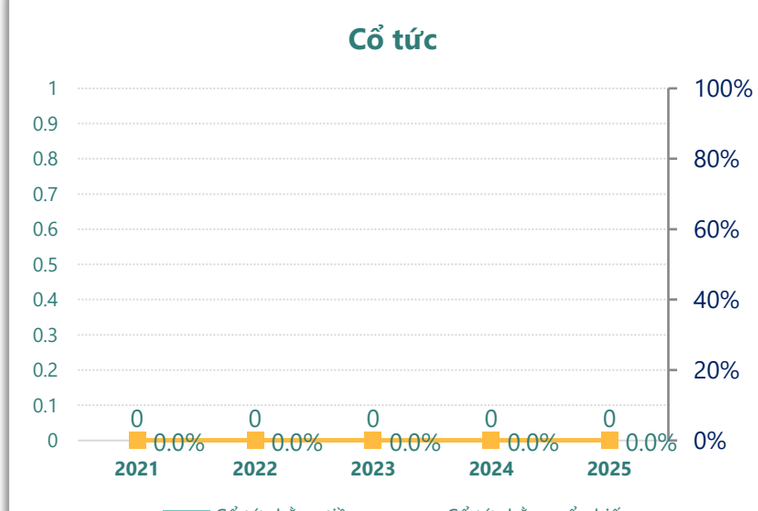
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

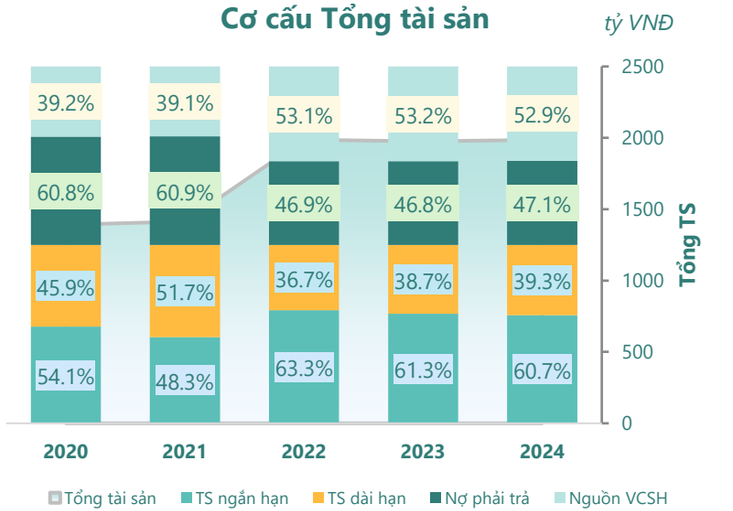
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

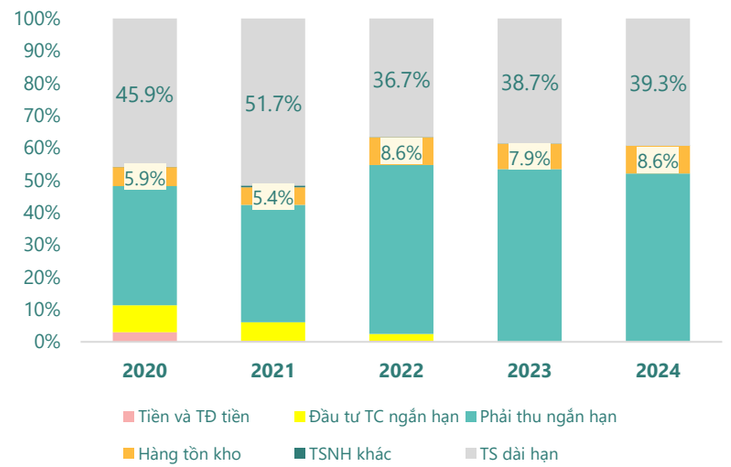
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



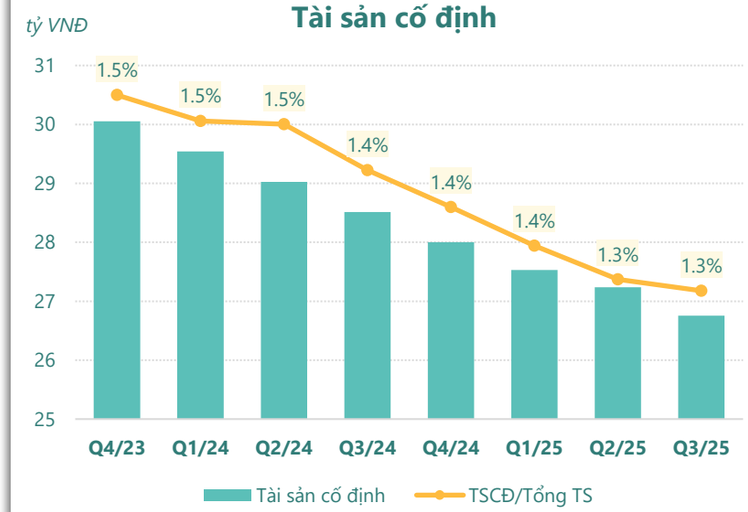
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



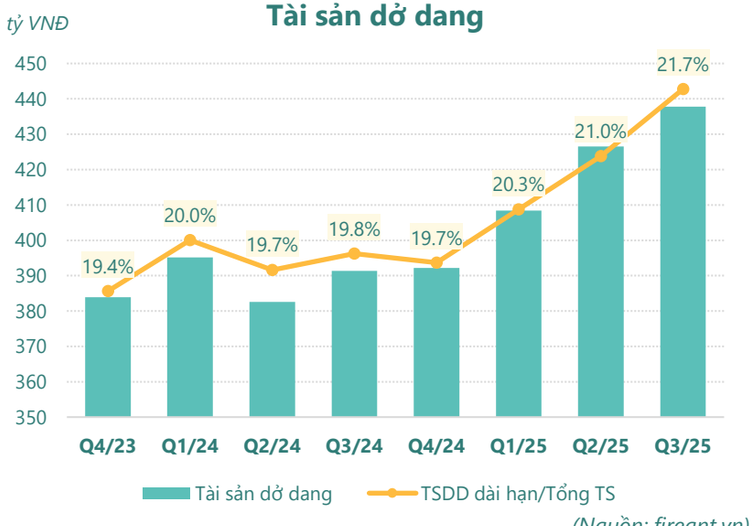
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



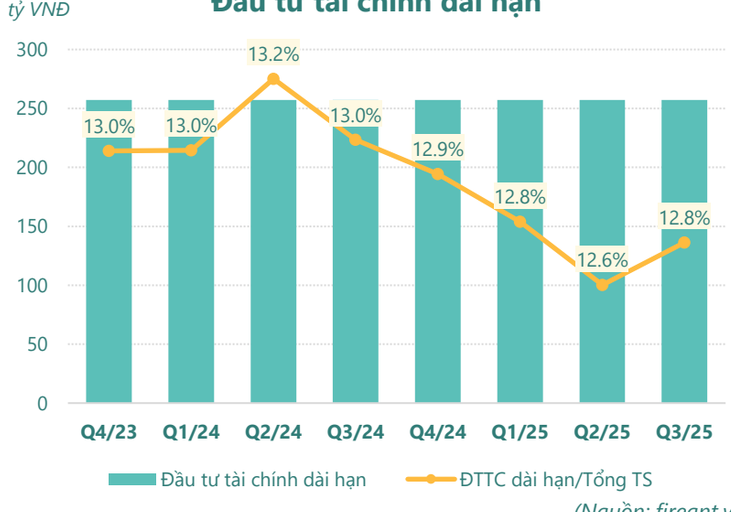
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



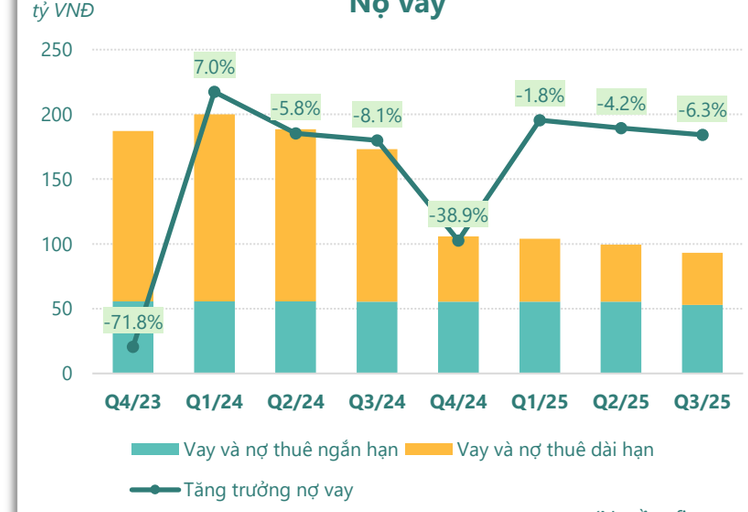
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

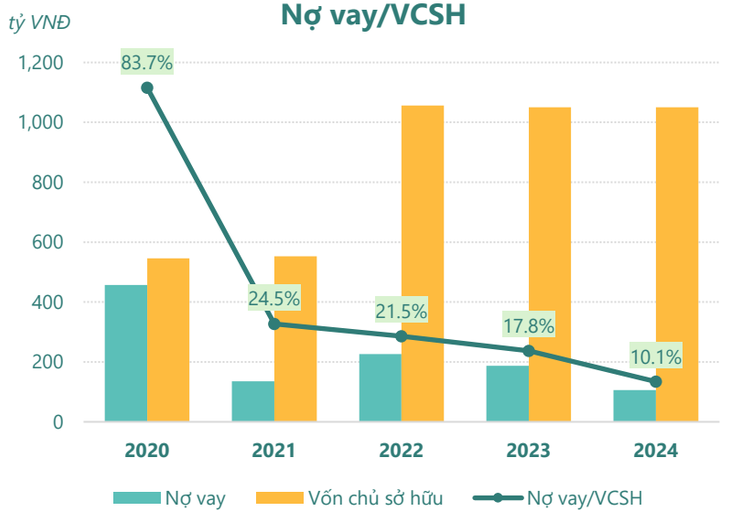
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

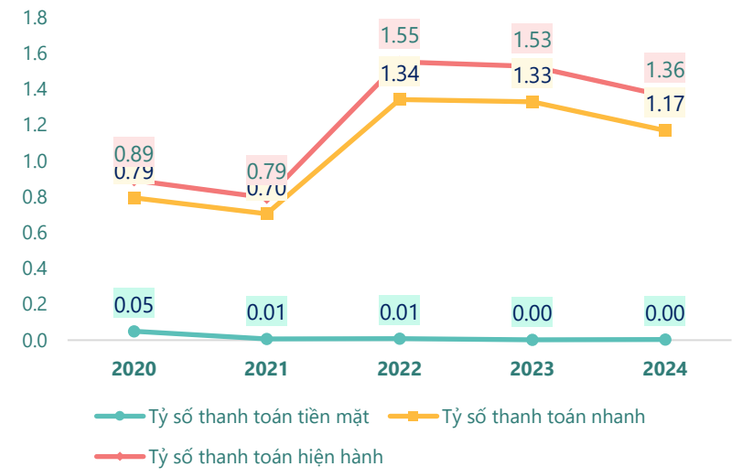
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



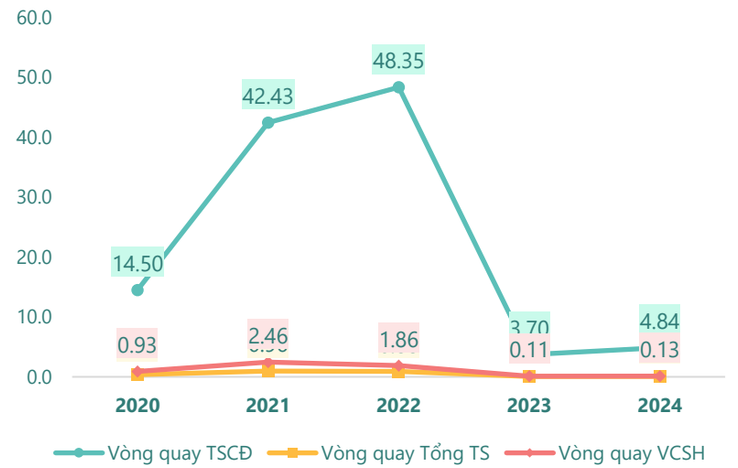
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



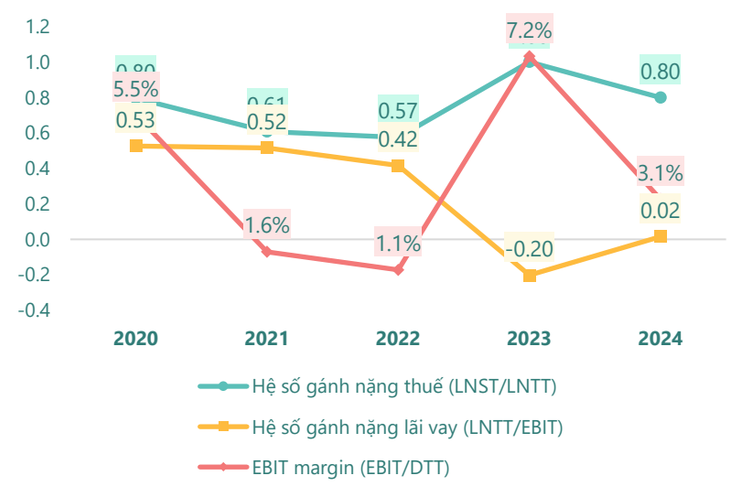
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



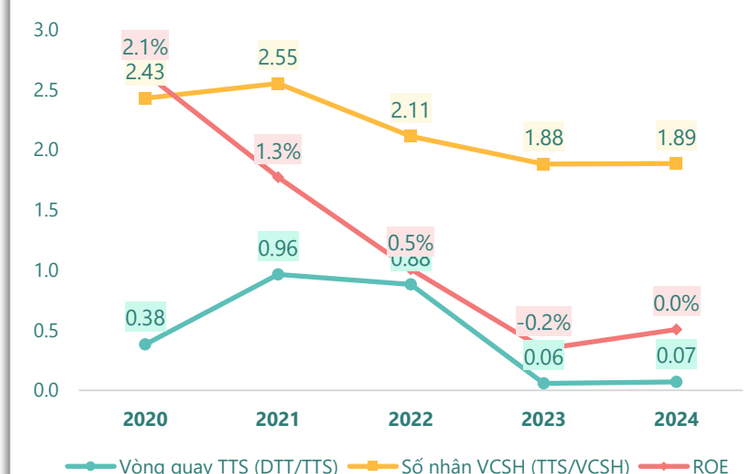
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



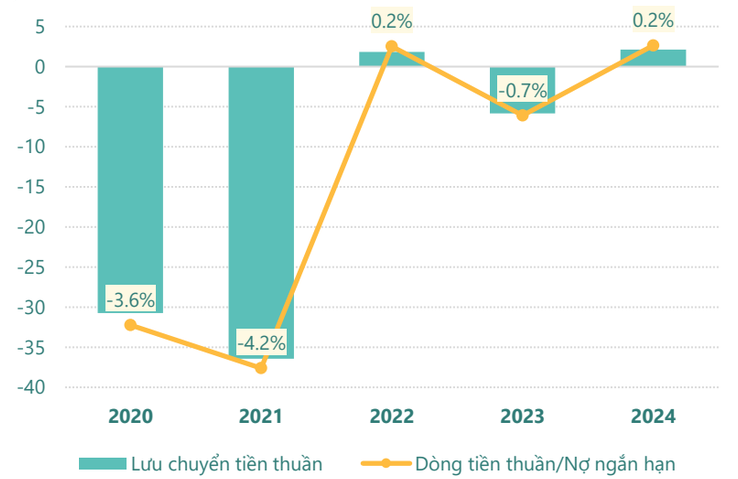
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**45.4**	**26.9**	**68.8%**	**105**	**68.8**	**52.5%**
Giá vốn hàng bán	38.9	22.5	73.1%	85.4	57.8	47.9%
Lợi nhuận gộp	6.47	4.38	47.7%	19.4	11.0	76.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.03	-78.4%
Chi phí TC	0.99	1.07	-7.5%	3.08	3.16	-2.6%
Chi phí lãi vay	0.99	1.07	-7.5%	3.08	3.16	-2.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.32	0.60	286%	3.20	1.59	101%
Chi phí QLDN	**3.12**	**3.00**	**4.1%**	**13.0**	**7.25**	**79.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.04	-0.29	114%	0.15	-0.99	115%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.04	-0.29	114%	0.15	-0.99	115%
Lợi nhuận sau thuế	**0.04**	**-0.29**	**114%**	**0.15**	**-0.99**	**115%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.04**	**-0.29**	**114%**	**0.15**	**-0.99**	**115%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.5	49.3	109	40.7	40.9	-3.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.28	-32.3	-41.0	-34.4	-30.7	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.6	-15.2	-67.4	-1.86	-4.37	-6.32
Tiền đầu kỳ	1.09	2.73	6.16	3.59	8.03	21.9
Lưu chuyển tiền thuần	**0.54**	**1.80**	**0.16**	**4.44**	**5.82**	**-9.54**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.73	6.16	3.59	8.03	21.9	26.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,016**	**1,986**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,192	1,205	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	4.31	3.59	20.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,019	1,030	-1.1%
Hàng tồn kho	167	170	-1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	0.85	80.4%
Tài sản dài hạn	**825**	**781**	**5.6%**
Phải thu dài hạn	90.0	90.0	0.0%
Tài sản cố định	26.8	28.0	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	438	392	11.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	257	257	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**13.0**	**13.9**	**-6.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	965	935	3.2%
Nợ ngắn hạn	**925**	**885**	**4.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.9	55.5	-4.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	506	540	-6.3%
Nợ dài hạn	40.4	50.3	-19.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.4	50.3	-19.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,051**	**1,051**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,051**	**1,051**	**0.0%**
Vốn điều lệ	1,015	1,015	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)